**Phan Bá Tiến**

Lấy đâu làm chuẩn, Lấy gì nâng cao

Chào mừng các bạn đón đọc đầu sách từ dự án sách cho thiết bị di động  
  
*Nguồn:* [*http://vnthuquan.net/*](http://vnthuquan.net/)  
Tạo ebook: Nguyễn Kim Vỹ.

**MỤC LỤC**

[Lấy đâu làm chuẩn, Lấy gì nâng cao](" \l "bm2)

**Phan Bá Tiến**

Lấy đâu làm chuẩn, Lấy gì nâng cao

LẤY ĐÂU LÀM CHUẨN, LẤY GÌ NÂNG CAO !   
KHÚC DẠO ĐẦU CHUA CHÁT

Lại một năm học mới bắt đầu, năm đầu tiên thay sách bậc học cuối cùng trong hệ thống giáo dục phổ thông. Nếu như khi thay sách lớp 1, lớp 6 (năm đầu tiên thay sách) các phương tiện thông tin đại chúng đã chỉ ra cho các nhà quản lý giáo dục ở bậc vĩ mô rằng: sách giáo khoa có vấn đề. Tiếp tục các năm sau đều thế. Bộ Giáo dục và Đào tạo đã không chịu rút kinh nghiệm mà lẳng lặng giảm tải. Năm học này, thay sách lớp 10, tôi cũng như nhiều vị phụ huynh quan tâm đến sự học hành của con cái không thể không quan tâm đến sách giáo khoa. Một trong những cuốn sách được mọi người quan tâm nhất là Ngữ văn 10. Bộ sách đã bắt đầu nhận được những phản hồi từ xã hội. Và tín hiệu cho những trận cuồng phong có lẽ đã bắt đầu khi người ta phát hiện ra sách Giáo viên Ngữ văn 10, hướng dẫn giảng dạy “Nguyễn Trãi là nhà bảo vệ môi trường” khi dạy Đại cáo bình Ngô. Và tôi…   
Thực sự không tin vào mắt mình khi đọc thông tin trên báo Tuổi trẻ về những sai sót trong sách Ngữ văn 10. Tôi lại càng thêm thất vọng khi đọc bài trả lời của tác giả chủ biên sách Ngữ văn 10 (nâng cao)lý giải vì sao lại dùng từ “bồng bột”để nói về sự phát triển của văn học Việt Nam khi ông yêu cầu giáo viên phải giúp học sinh hiểu từ “bồng bột” này theo một nghĩa khác (mà chỉ những người như ông mới hiểu).   
Tra Từ điển tiếng Việt do Hoàng Phê chủ biên, từ “ bồng bột” có 2 nghĩa: nghĩa 1, (ít dùng): sôi nổi và có khí thế mạnh mẽ; nghĩa 2, được hiểu và dùng phổ biến là sôi nổi, hăng hái, nhưng thiếu chín chắn, không lâu bền. Không cớ chi, ông lại yêu cầu học sinh hiểu theo nghĩa ít dùng. Và chẳng nhẽ, ông và những cộng sự chữ nghĩa đầy mình lại không thể dùng một từ khác khả dĩ thay vào đó hay sao?   
Về điều này, xin lỗi ông, giả sử có người nói: “ Ông Trần… là một người khốn nạn” thì ông có chịu hiểu câu nói đó theo nghĩa 1 của từ điển là : “ khốn khổ đến mức thảm hại đáng thương” hay ông lại cứ hiểu theo cách thông thường như nhiều người dân quê hiểu theo nghĩa 2 là : “ khốn nạn, không còn chút nhân cách, đáng khinh bỉ, nguyền rủa”. Có lẽ là ông chẳng dại gì hiểu theo nghĩa 1, phải không ông ? Và như vậy, ông sẽ nổi đoá lên khi nghe câu nói trên là cái chắc.   
Vậy là, bấy lâu chúng ta đã trách oan học trò khi đọc những bài phê bình trên báo chí về những “bài văn” ngô nghê của chúng. Lỗi ở các em chỉ là một phần, cái chính là lỗi của những người có đầy đủ nhãn mác, học hàm, học vị, được Nhà nước giao cho trọng trách biên soạn sách giáo khoa.   
Sự hoang mang của phụ huynh và học sinh khi tiếp xúc với sách Ngữ văn 10 là có thật. Chỉ cần đối chiếu phần chú thích một số bài giữa 2 bộ sách, chúng ta sẽ thấy các nhà soạn sách thiếu đi điều gì (tri thức ? lương tâm ? trách nhiệm ? …)   
Giờ thì trong tay tôi là hai bộ sách Ngữ văn 10. Một bộ được gọi là bộ chuẩn, dùng cho học sinh học Ban cơ sở do GS Phan Trọng Luận chủ biên (xin được gọi là bộ 1); một bộ được gọi bộ nâng cao dùng cho học sinh học Ban Khoa học xã hội và Nhân văn do GS Trần Đình Sử chủ biên (xin được gọi là bộ 2). Cả hai bộ sách đều do Ngô Trần Ái – Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc Nhà xuất bản Giáo dục xuất bản chịu trách nhiệm xuất bản. Hai bộ sách trên đều được dùng cho học sinh THPT học dưới mái trường của nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Sự sai lệch về kiến thức trong hai bộ sách đó có ảnh hưởng gì đến các em ? Chúng tôi thiển học, không biết đâu là đúng, đâu là sai. Nhưng, theo nguyên tắc suy luận, ít nhất có một bộ, kiến thức của các soạn giả đã không chuẩn . Xin được chỉ ra một số sai lệch, thiếu chuẩn sau.   
NHỮNG ĐIỀU KHÔNG CHUẨN   
1. Không chuẩn khi chú thích địa danh   
Bài Phú sông Bạch Đằng, mục Tiểu dẫn về tác giả Trương Hán Siêu bộ 1 cho biết ông ở làng Phúc Thành, huyện Yên Ninh (nay thuộc thị xã Ninh Bình), còn bộ 2 lại bảo ở làng Phúc Am, phủ Yên Khánh, nay thuộc phường Phúc Thành, thị xã Ninh Bình. Rõ ràng, trường hợp trên, lúc thì Trương Hán Siêu ở làng Phúc Thành, lúc thì ở làng Phúc Am (xin nhớ cho đơn vị làng là đơn vị hành chính cơ sở quan trọng bậc nhất của người Việt xưa cũng như nay) lúc ở huyện Yên Ninh, lúc ở phủ Yên Khánh…   
Từ “Cửu Giang”: Bộ 1 cho là tên một sông, và giải thích: sở dĩ gọi là Cửu Giang vì con sông đó do chín con sông nhỏ hợp thành. (kiểu như sông Cửu Long nhưng lại chia thành chín nhánh ở Việt Nam ta ). Còn bộ 2 lại cho rằng, Cửu Giang là chín con sông của Trung Hoa và giải thích: ở đây, có lẽ là chín con sông chảy vào hồ Động Đình, tỉnh Hồ Nam.   
Từ “ Ngũ Hồ” cũng rơi vào tình cảnh tương tự. Bộ 1 cho rằng, Ngũ Hồ có 2 nghĩa. Nghĩa 1 là biệt danh của Thái Hồ , nghĩa 2 là năm hồ. Bộ 1 còn nói rõ thêm, có 2 khu vực năm hồ, một lấy hồ Động Đình làm trung tâm, một lấy Thái Hồ làm trung tâm. Trong lúc đó, bộ 2 lại khẳng định một cách chắc chắn như đinh đóng cột : Ngũ Hồ- năm hồ, khu hồ thuộc vùng Ngô Việt (Trung Quốc). Thiển nghĩ, các soạn giả đã viết hoa chữ Cửu Giang, Ngũ Hồ thì mặc nhiên hiểu đó là danh từ riêng chỉ tên sông, tên hồ.   
Bài Chức phán sự ở đền Tản Viên, mục Tiểu dẫn về Nguyễn Dữ, bộ 1 cho biết ông ở xã Đỗ Tùng, huyện Trường Tân, nay thuộc huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương, còn bộ 2 lại bảo “ Nguyễn Dữ người Gia Phú, Hồng Châu (nay thuộc tỉnh Hải Dương)”. Trường hợp này, học sinh học bộ 2 sẽ không biết Nguyễn Dữ ở vào cái “góc” nào của Hải Dương cả.   
Bài Đại cáo bình Ngô, địa danh Bồ Đằng được bộ 1 chú thích là : tên một ngọn núi, còn gọi là Bồ Liệt, Bồ Cứ thuộc Quỳ Châu, Nghệ An; Trà Lân được chú thích là: một địa điểm thuộc xã Bồng Khê, huyện Con Cuông, Nghệ An. Chú thích như thế là cụ thể. Học sinh có thể tìm về nơi đó để tìm hiểu (nếu có dịp). Còn bộ 2 thì chỉ có một chủ thích cụt lủn chung cho cả 2 địa danh: “những địa điểm phía Tây Nghệ An”. Các tác giả có đánh đố người học không khi chú thích như thế. Họ có biết phía Tây Nghệ An là Lào hay không? Còn miền núi phía Tây Nghệ An thì đó là một vùng đất rất rộng lớn gồm nhiều huyện. Ở Tây Bắc Nghệ An có Nghĩa Đàn, Tân Kỳ, Quỳ Hợp, Quỳ Châu, Quế Phong. Ở Tây Nam Nghệ An có Anh Sơn, Con Cuông, Tương Dương, Kỳ Sơn. Sao không chú thích như bộ 1, người soạn sách thiếu gì ?...   
Cũng trong phần chú thích địa danh bài Đại cáo bình Ngô, chú thích về Tây Kinh, bộ 1 ghi rất cẩn trọng : Tây Kinh: Tây Nhai hoặc Tây Giai do nhà Hồ xây dựng, di tích hiện còn ở huyện Vĩnh Lộc, Thanh Hoá (không nên lầm lẫn với Lam Kinh ở Lam Sơn). Còn bộ 2 thì hết sức sơ sài, thiếu trách nhiệm khi chú thích chỉ vỏn vẹn “ Tây Kinh : Tây Đô”. Thế thì Tây Đô là gì, ở đâu, học sinh biết hỏi ai ! Có khi các em cho Tây Đô là thành phố Cần Thơ cũng nên (biết đâu - chả là có bộ phim Người đẹp Tây đô) !   
2. Không chuẩn văn bản, dẫn đến không chuẩn chú thích   
Về địa điểm : Liễu Thăng bị chém đầu trong Đại cáo bình Ngô, bộ 1 ghi là Mã Yên và chú thích: một địa điểm ở Lạng Sơn. Chú ý: ở nước ta có nhiều nơi mang tên Mã Yên (eo núi giống như cái yên ngựa). Chú thích như thế là rất rõ ràng, dễ hiểu. Ngược lại, bộ 2 lại ghi địa danh trên là Mã An (trong khi cả hai bộ đều theo bản dịch của Bùi Kỷ (Bùi Văn Nguyên chỉnh lý) Ở đây, người đọc dù hiểu biết hạn chế lắm vẫn có thể khẳng định bộ 2 sai.   
Viết hoa và không viết hoa. Trong Đại cáo bình Ngô: Chữ “đông” trong câu “Tấm lòng cứu nước, vẫn đăm đăm muốn tiến về đông”, bộ 1 không viết hoa, ngược lại, bộ 2 viết hoa.   
Vì vậy, bộ 1 chú thích : về đông : lấy chữ từ Hán thư, từ câu nói của Lưu Bang (Hán Cao Tổ). Khi bị Hạng Vũ đẩy vào đất Thục, Lưu Bang bực tức nói: “ Dư diệc dục đông nhĩ, an năng uất uất cức ư thử hồ” ( Ta cũng muốn trở về đông, sao chịu chết ải ở chốn này). Còn bộ 2 thì chú thích: tiến về Đông: tiến về Đông Đô tức Thăng Long để thu lại nước cũ.   
Chúng ta đều biết, ngày xưa, các cụ viết chữ Hán không có chấm phẩy, chữ Hán lại không có chữ hoa, chữ thường. Người đọc phải tự ngắt câu, tự hiểu ý. Khi phiên âm và dịch ra quốc ngữ, các dịch giả mới chấm câu, viết hoa theo luật chính tả. Điều vô lý như đã nói trên là cả hai bộ sách đều nói là theo bản dịch của Bùi Kỷ (Bùi Văn Nguyên chỉnh lý) mà bộ thì viết hoa, bộ không viết hoa, dẫn đến hiểu sai nghĩa chữ “đông”.   
Chỗ này, theo thiển ý của tôi (PBT) phải hiểu như bộ 1 mới đúng. Bởi ở đó, Nguyễn Trãi đã dùng một điển tích để diễn tả tâm trạng của Lê Lợi người chủ tướng của nghĩa quân, quyết tâm cầu hiền (cỗ xe cầu hiền thường chăm chăm còn dành phía tả) để khôi phục giang sơn, đất nước. Do vậy, nghĩa của chữ “đông”phải được hiểu đó là phương hướng (phía đông) trong quan hệ đối ứng với chữ “tả” (bên phải). Chẳng nhẽ những người soạn sách lại không hiểu, một đại thi hào, danh nhân văn hoá thế giới như Nguyễn Trãi mà lại mắc lỗi hành văn vô lý như thế (đem một danh từ chỉ địa danh đối với một giới từ chỉ phương hướng).   
3. Không chuẩn trong cách hiểu hình ảnh   
Trở lại bài Phú sông Bạch Đằng của Trương Hán Siêu, từ “đuôi trĩ ” trong câu “Thướt tha đuôi trĩ một màu” được bộ 1 chú thích là: đuôi chim trĩ có hình dài như bánh lái thuyền. Ý tả những con thuyền nối nhau đi trên sông. Còn bộ 2 lại cho rằng, câu này tả cảnh núi sông liền một màu xanh xanh. Xin chia sẻ, các giáo sư trình độ cao còn hiểu khác nhau một từ như thế, thì đừng trách chi các em học trò.   
Ngoài ví dụ trên, cũng trong Phú sông Bạch Đằng, các từ sau đây đều được hiểu khác nhau, dẫn đến chú thích khác nhau:   
Từ “sáu quân: bộ 1 chú thích “sáu quân”: theo cách tổ chức quân độ xưa của Trung Quốc. Ở đây ý nói quân đội hùng mạnh. Còn bộ 2 lại nói ở đây chỉ quân đội của nhà vua. Quân đội hùng mạnh và quân đội của nhà vua thì khác nhau quá, một bên nói đặc điểm, tính chất của quân đội, một bên nói người sở hữu quân đội ấy.   
4. Không chuẩn trong chia đoạn văn bản   
Bộ 1 chia Đại cáo bình Ngô làm 4 đoạn, còn bộ 2 lại chia thành 5 đoạn, trong đó đoạn 4 chia làm 4a và 4b (nghĩa là có 6 đoạn). Chúng ta biết rằng, về lý thuyết, đoạn trong văn bản chỉ có tính tương đối. Nhưng chia đoạn như trên đủ biết quan niệm của các soạn giả thoáng như thế nào.   
VÀI LỜI TẠM KẾT  
Sách Ngữ văn 10 còn nhiều điều cần phải được bàn. Ví như hệ thống luận điểm các soạn giả đưa ra ở các bài tổng quan, chưa nói đến tính khoa học của các luận điểm, đã thấy 2 bộ cập kênh nhau nhiều lắm. Thiết nghĩ, một nền giáo dục lành mạnh phải là một nền giáo dục có những con người làm giáo dục lành mạnh, chương trình và sách giáo khoa lành mạnh. Khi nào chúng ta còn đưa cho học sinh những cuốn sách giáo khoa như trên (và như báo chí đã chỉ ra mấy năm qua) thì rõ ràng nền giáo dục ta còn có vấn đề. Mà vấn đề quan trọng nhất là con người- nhân tố số một. Tiền là quan trọng nhưng chưa phải. Đã có người cho rằng, vì tiền, chúng ta đã làm hỏng giáo dục.

Lời cuối: Cám ơn bạn đã theo dõi hết cuốn truyện.  
Nguồn: http://vnthuquan.net  
Phát hành: Nguyễn Kim Vỹ.  
Đánh máy: Phan Bá Tiến  
Nguồn: VNthuquan - Thư viện Online  
Được bạn: TTL đưa lên  
vào ngày: 3 tháng 9 năm 2006